

Số: 2398/QĐ-UBND

Bình Định, ngày 02 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành
Công trình: Nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước sinh hoạt
xã Mỹ Đức, huyện Phù Mỹ**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Thông tư 96/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;

Căn cứ Quyết định số 19/2015/QĐ-UBND ngày 06/8/2015 của UBND tỉnh về việc phân cấp và ủy quyền phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 351/TTr-STC ngày 28/7/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành

- Tên công trình: Nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước sinh hoạt xã Mỹ Đức, huyện Phù Mỹ.

- Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân huyện Phù Mỹ.

- Địa điểm xây dựng: Xã Mỹ Đức, huyện Phù Mỹ, Bình Định.

- Thời gian khởi công – hoàn thành: 22/03/2018 - 21/09/2020.

Điều 2. Kết quả đầu tư:

1. Chi phí đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Giá trị quyết toán
	1	2	3
	Tổng số	27.815.282.000	25.221.292.000
1	Xây lắp	18.652.279.000	19.212.319.000

	<i>Trong đó: + Chi xây lắp</i>		<i>18.477.359.000</i>
	<i>+ Chi hạng mục chung</i>		<i>734.960.000</i>
2	Chi thiết bị	3.778.738.000	3.925.267.000
2	Bồi thường, GPMB	33.716.000	
3	Chi phí quản lý dự án	459.103.000	459.103.000
4	Chi phí tư vấn đầu tư XD	1.564.234.000	1.429.481.000
	<i>Khảo sát, lập BCKTKT</i>	<i>490.198.000</i>	<i>430.598.000</i>
	<i>Chi khảo sát, lập Dự án điều chỉnh</i>	<i>372.429.000</i>	<i>360.944.000</i>
	<i>Chi lập thiết kế bản vẽ TCDT</i>	<i>198.521.000</i>	<i>195.652.000</i>
	<i>Chi thăm tra TK BV TCDT</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
	<i>Chi phí giám sát xây lắp và thiết bị</i>	<i>458.645.000</i>	<i>442.287.000</i>
	<i>Chi lập HS mời thầu và đánh giá HS dự thầu xây lắp</i>	<i>37.227.000</i>	<i>0</i>
	<i>Chi lập HS mời thầu và đánh giá HS dự thầu thiết bị</i>	<i>7.214.000</i>	<i>0</i>
5	Chi khác	1.384.011.000	195.122.000
	<i>Chi bảo hiểm xây dựng công trình (TT329)</i>	<i>63.595.000</i>	<i>63.594.000</i>
	<i>Phí thẩm định BCKTKT, TK BVTC DT</i>	<i>45.263.000</i>	<i>43.286.000</i>
	<i>Chi thăm tra, phê duyệt quyết toán</i>	<i>154.873.000</i>	<i>88.242.000</i>
	<i>Chi tư vấn giải quyết kiến nghị của nhà thầu</i>	<i>12.501.000</i>	<i>0</i>
	<i>Thẩm định HSMT, kết quả LCNT XD, TB</i>	<i>21.188.000</i>	<i>0</i>
	<i>Chi thí nghiệm TBA, đường dây 22KV</i>	<i>5.834.000</i>	
	<i>Chi kiểm toán</i>	<i>277.688.000</i>	

	<i>Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu</i>	<i>10.000.000</i>	
	<i>Chi phí HM chung</i>	<i>743.069.000</i>	
	<i>Phí cam kết bảo vệ môi trường</i>	<i>50.000.000</i>	
6	Dự phòng chi	1.943.201.000	

2. Nguồn vốn đầu tư:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Tổng Dự toán của DA được duyệt	Thực hiện			
			Giá trị quyết toán đề nghị được phê duyệt	Số vốn đã giải ngân	Số vốn còn được giải ngân so với giá trị quyết toán được phê duyệt	Số vốn phải thu hồi so với giá trị quyết toán được phê duyệt
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>
	Tổng số	27.815.282	25.221.292	23.371.204	1.850.088	-
1	Vốn đầu tư công	27.815.282	25.221.292	23.371.204	1.850.088	-
1.1	Vốn Ngân sách nhà nước	27.815.282	25.221.292	23.371.204	1.850.088	-
	Vốn Ngân sách tỉnh	-	-	15.378.000		
	Vốn Ngân sách huyện			7.993.204		

3. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản:
- 3.1 Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng: không.
- 3.2 Chi phí không tạo nên tài sản: không.
4. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Giao đơn vị khác quản lý		Thuộc chủ đầu tư quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi
Tổng số			25.221.292.000	25.221.292.000
- Tài sản dài hạn (tài sản cố định)			25.221.292.000	25.221.292.000
- Tài sản ngắn hạn				

5. Vật tư thiết bị tồn đọng: không

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

- Được phép tắt toán nguồn và chi phí đầu tư công trình là:

Đơn vị tính: đồng

STT	Nguồn	Số tiền	Ghi chú
	1	2	3
	Tổng số	25.221.292.000	
	Trong đó: + Đã bố trí:	23.371.204.000	
	Vốn Ngân sách tỉnh	15.378.000.000	
	Vốn Ngân sách huyện	7.993.204.000	
	+ Chưa bố trí:	1.850.088.000	

- Tổng các khoản công nợ tính đến ngày lập Báo cáo quyết toán (29/6/2022) là:

* Tổng số phải thanh toán tiếp: 1.850.088.000 đồng

Trong đó:

- | | | |
|---------------------------------------|---------------|------|
| + Chi xây lắp: | 1.759.586.000 | đồng |
| + Phí thẩm định BCKTKT, TK BVTC DT | 2.260.000 | đồng |
| + Chi thẩm tra, phê duyệt quyết toán: | 88.242.000 | đồng |

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản:

Đơn vị tính: đồng

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn/cố định
Ủy ban nhân dân huyện Phù Mỹ	25.221.292.000

3. Trách nhiệm của các đơn vị, cơ quan có liên quan: chịu trách nhiệm về những nội dung, công việc của từng đơn vị, cơ quan đã thực hiện xây dựng công trình theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Chủ đầu tư, đơn vị tiếp nhận tài sản có trách nhiệm quản lý, sử dụng công trình và thực hiện việc bàn giao công trình theo quy định hiện hành. Căn cứ số liệu quyết toán được duyệt, các cơ quan liên quan tiến hành cấp phát, thanh toán, hạch toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản theo đúng quy định.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và PTNT, Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Phù Mỹ và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- CT UBND tỉnh;
- PCT TT UBND tỉnh Nguyễn Tuấn Thanh;
- CVP, PVP KT;
- Lưu: VT, K13 (15b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh